

Số: 11/2024/QĐST - KDTM

Gia Viễn, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 303; 463; 465; 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 luật tổ chức tín dụng; các khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST- KDTM, ngày 06 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ (B).

Địa chỉ: tháp B, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng H, Nguyễn Huy S, Nguyễn Quốc T và Nguyễn Văn Q (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng ngày 12/8/2024).

- **Bị đơn:** ông Lê Mạnh T1, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị P, sinh năm 1966; đều trú tại: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Bà P ủy quyền cho ông T1 tham gia tố tụng.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Vợ chồng ông Bùi Văn Q1, sinh năm 1969 và bà Bùi Thị C, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Ông Q1, bà C ủy quyền cho ông T1 tham gia tố tụng.

+ Vợ chồng ông **Phạm Văn T2**, sinh năm 1959 và bà **Lê Thị C1**, sinh năm 1963; nơi cư trú: **thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. Ông **T2**, bà **C1** ủy quyền cho ông **T1** tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

Tính đến ngày 15/3/2024, ông **Lê Mạnh T1**, bà **Bùi Thị P** còn nợ **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)** tổng số tiền là 7.415.250.779 đồng (*Bảy tỷ bốn trăm mười lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng*). Trong đó nợ gốc là 2.995.000.000 đồng; nợ lãi là 2.909.972.083 đồng và lãi phạt quá hạn là 1.510.278.696 đồng.

2.1. Về trách nhiệm trả nợ:

- Ngày 05/3/2025, ông **Lê Mạnh T1**, bà **Bùi Thị P** có trách nhiệm trả **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)** số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc.

- Ngày 05/9/2025, ông **Lê Mạnh T1**, bà **Bùi Thị P** có trách nhiệm trả **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)** số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) tiền gốc.

- Ngày 05/3/2026, ông **Lê Mạnh T1**, bà **Bùi Thị P** có trách nhiệm trả **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)** số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) tiền gốc.

- Ngày 05/9/2026, ông **Lê Mạnh T1**, bà **Bùi Thị P** có trách nhiệm trả **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)** số tiền 1.745.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) tiền gốc và 2.909.972.083 đồng (*Hai tỷ chín trăm linh chín triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn không trăm tám mươi ba đồng*) tiền lãi, lãi phạt quá hạn 1.510.278.696 đồng (*Một tỷ năm trăm mười triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng*) của các hợp đồng tín dụng, gồm:

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 41115/14/2131436/HĐTD, ngày 06/9/2014.+
Hợp đồng tín dụng cụ thể số 41121/14/2131436/HĐTD, ngày 08/9/2014.
+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 41127/14/2131436/HĐTD, ngày 09/9/2014.
+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 41139/14/2131436/HĐTD, ngày 11/9/2014.
+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 41150/14/2131436/HĐTD, ngày 12/9/2014.
+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 41108/14/2131436/HĐTD, ngày 05/9/2014.
+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 41166/14/2131436/HĐTD, ngày 15/9/2014. Đồng thời tiếp tục trả các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)**.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông **T1**, bà **P** vi phạm bất kỳ một trong các kỳ trả nợ nào thì **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)**, có quyền xử lý các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở 5 tầng xây dựng trên 2 mảnh đất với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC511119 và AC511135 do **UBND huyện G** cấp

ngày 12/10/2007 mang tên ông **Lê Mạnh T1**, bà **Bùi Thị P**; Quyền sử dụng đất và nhà ở 2 tầng xây trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 492852 do **UBND huyện G** cấp ngày 21/01/1999 mang tên ông **Bùi Văn Q1**, bà **Bùi Thị C**; 01 xe ô tô Mercedes theo giấy đăng ký xe ô tô số 000751 do **Phòng C2 Công an tỉnh N** cấp ngày 5/7/2010 mang tên bà **Lê Thị C1**; 01 xe ô tô DAEWOO biển số 35N- 8819 có giấy chứng nhận đăng ký xe số 003761 do **Phòng C2 Công an tỉnh N** cấp ngày 09/7/2008 mang tên ông **Lê Mạnh T1** để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại các tài sản thế chấp mà vẫn không thu hồi đủ số nợ, thì ông **T1** bà **P** có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán số tiền nợ còn lại cho **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)**, cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)**.

2.4. Về án phí: ông **Lê Mạnh T1**, bà **Bùi Thị P** phải nộp số tiền 57.707.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho **Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh N (B)** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.707.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000959, ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS huyện Gia Viễn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Đinh Xuân Tường